

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỜI TRANG ĐĂNG HIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỜI TRANG ĐĂNG HIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DANG HIEN FASHION SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110470311

**3. Ngày thành lập:** 07/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1142 Nguyễn Khoái, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0949752388 – 0339940358

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4641        |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                           | 4669        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 5.  | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9620        |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410        |
| 7.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1312        |
| 8.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1313        |
| 9.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1392        |
| 10. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1393        |
| 11. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1399        |
| 12. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1410(Chính) |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1420        |
| 14. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1430        |
| 15. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1512        |
| 16. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1520        |
| 17. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4751        |
| 18. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ THU HIỀN | Việt Nam  | Phố 1 Mạo Khê, Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | 250.000.000           | 50,000    | 022193001030                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN ĐĂNG HẢI | Việt Nam  | Thôn Cao Trung, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | 250.000.000           | 50,000    | 001086015887                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **VŨ THI THU HIỀN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/02/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022193001030

Ngày cấp: 19/08/2022      Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Phố 1 Mạo Khê, Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phố 1 Mạo Khê, Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội